TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hoàn.

2. Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 175/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh A, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Chị T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Anh A có đơn xin vắng mặt, chị T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/3/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh A trình bày:

Anh và chị T chung sống vợ chồng năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 28/02/2022. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2022 thì chị T bỏ đi không rõ lý do, anh không liên lạc được và cũng không biết chị T ở đâu, làm gì. Trong khi đó, tiền vay mượn để vợ chồng làm ăn thì chị T đem đi hết, anh cũng đã liên hệ với gia đình chị T nhưng đều không biết. Vì vậy, anh khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh A có đơn xin vắng mặt. Chị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh A và chị T theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh A với chị T chung sống vợ chồng năm 2022, có đăng ký kết hôn tại S, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 28/02/2022 nên quan hệ hôn nhân giữa anh A với chị T là hợp pháp. Anh A xác định chị T bỏ đi không rõ lý do, anh không liên lạc được và cũng không biết chị T ở đâu, làm gì, anh cũng đã liên hệ với gia đình chị T nhưng đều không biết, nên anh A yêu cầu xin ly hôn với chị T. Nhưng chị T cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu xin ly hôn của anh A nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh A có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh A xác định không có; chị T không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không giải quyết nếu sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Anh A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh A được ly hôn với T.

2. Án phí: Anh A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017459 ngày 11/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy anh A đã thi hành xong án phí.

3. Anh A, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức